



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng**
Laboratory: **Technical Department for Standard Metrology and Quality**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng Khoa học Công nghệ**
Organization: **Center for Information, Technique and Application of Science and Technology**

Số hiệu/ Code: **VILAS 561**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực
Field **Hóa**
Chemical

Người quản lý
Laboratory manager **Vũ Xuân Định**
Vu Xuan Dinh

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /07/2025 đến ngày 17/07/20230**

Địa chỉ / Address: **Đường Tô Hiến Thành, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng**
To Hien Thanh Street, Nam Gia Nghia Ward, Lam Dong Province

Địa điểm / Location: **Đường Tô Hiến Thành, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng**
To Hien Thanh Street, Nam Gia Nghia Ward, Lam Dong Province

Điện thoại/ Tel: **0917545799**

E-mail: **tdcdaknong@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 561

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Phân bón thể rắn <i>Hardened fertilizer</i>	Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture</i>	(0,5 ~ 6,0) %	TCVN 9297:2012
2.	Phân hỗn hợp NPK <i>NPK mixed fertilizer</i>	Xác định hàm lượng phospho hữu hiệu <i>Determination of available phosphorus</i>	(2,0 ~ 18) %	TCVN 5815:2018
3.		Xác định hàm lượng kali hữu hiệu <i>Determination of available potassium</i>	(2,0 ~ 10) %	TCVN 8560:2018
4.		Xác định hàm lượng kali hữu hiệu <i>Determination of total available potassium</i>	(2,0 ~ 10) %	TCVN 8560:2018
5.	Phân hữu cơ vi sinh <i>Organic microbial fertilizer</i>	Xác định hàm lượng axit humic <i>Determination of humic acid</i>	(1,0 ~ 5,0) %	TCVN 8561:2010
6.		Xác định các bon hữu cơ tổng số. Phương pháp Walkley-Black <i>Determination of total organic carbon. Walkley-Black method.</i>	(1,0 ~ 25) %	TCVN 9294:2012

Chú thích/ Note:

Trường hợp Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng Khoa học Công nghệ cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng Khoa học Công nghệ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/If It is mandatory for Center for Information, Technique and Application of Science and Technology that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.